

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/DS-ST
Ngày 01-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm

Ông Lê Hồng Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST - DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đồng Thị Bé P – Chủ hộ kinh doanh D; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trung D; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 23/5/2023) (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Trung D; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Phước T; sinh năm: 1995; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 16/01/2022 ông Trần Văn T có đến nhà ông Nguyễn Trung D (tức Dịch vụ cầm đồ D) để cầm cố chiếc xe YAMAHA R15V3, 150 phân khối, màu đỏ đen, biển số kiểm soát 83-P3-98204 với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Hai bên có làm giấy thỏa thuận sẽ cầm chiếc xe trong 2 tháng, với lãi suất là 1.250.000 đồng/tháng.

Sau hai tháng ông T không đóng lãi, ông D có gọi cho ông T đóng tiền lãi thì ông T xin được trê đóng lãi để bán đất hoặc vay tiền anh em ra chuộc lại chiếc xe và đóng lãi, thì ông D không nói gì. Từ đó đến nay ông T không đóng lãi.

Ngày 03/02/2023 ông T có đến nhà ông D để xin chuộc lại chiếc xe và đóng lãi thì được biết ông D đã bán chiếc xe của ông T. Thời điểm ông T mua xe, giá của chiếc xe là 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng) do ông T đã sử dụng một thời gian dài nên ông T xác định giá trị còn lại của chiếc xe là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và ông T đồng ý trả số tiền đã cầm cố chiếc xe cho ông D là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) cùng với số tiền lãi 3 tháng là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng là 28.750.000 (Hai mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D trả cho ông T phần còn lại chiếc xe mà ông D đã bán. Việc ông D nói bán xe với số tiền 29.500.000 (Hai mươi chín triệu, năm trăm ngàn) đồng, là do ông D muốn bán giá nào thì bán, chứ chiếc xe của ông giá trị cao hơn. Ông xác định giá trị chiếc xe còn lại là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), là do ông ước tính, vì xe của ông là xe mới. Ông không có gì chứng minh giá trị chiếc xe vào thời điểm cầm cố cho ông D. Giấy tờ xe khi cầm cố, ông đã đưa cho phía ông D.

Ông Trần Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú giải quyết: Buộc ông Nguyễn Trung D phải trả cho ông số tiền bán xe còn lại sau khi đã khấu trừ số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng ông T đã cầm cố chiếc xe và tiền lãi 3 tháng là 3.750.000 (Ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng, tổng là 28.750.000 (hai mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng. Như vậy, số tiền ông D phải trả lại cho ông T là 21.250.000 (Hai mươi một triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng (cụ thể: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng – 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng – 3.750.000 (ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng = 21.250.000 đồng (Hai mươi một triệu, hai trăm năm mươi ngàn) và ông T không yêu cầu tính lãi số tiền này.

Tại phiên tòa, ông T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông T không yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe đã cầm cố. Ông T xác định giá trị chiếc xe theo giá niêm yết đối với loại xe YAMAHA R15V3 có giá là 74.000.000 (bảy mươi bốn triệu) đồng, giá trị còn lại của xe là 50%. Ông T yêu cầu phía bị đơn có trách nhiệm hoàn trả giá trị chênh lệch còn lại cho ông, sau khi khấu trừ số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng – tiền đã cầm cố chiếc xe và tiền lãi 3 tháng là 3.750.000 (Ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng, tổng số tiền khấu trừ là 28.750.000 (hai mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng. Số tiền còn lại phía bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho ông là 8.250.000

(tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng. Ông không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Vào ngày 30/09/2022 ông T có đến nhà ông (tức Dịch vụ cầm đồ D) để cầm cố chiếc xe YAMAHA R15V3, 150 phân khối, màu đỏ đen, biển số kiểm soát 83-P3-98204 với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) hai bên có làm biên nhận cầm đồ ngày 30/9/2022. Sau đó đến ngày 16/10/2022 lấy thêm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), ông có thu lại biên nhận cầm đồ ngày 30/9/2022 và có đưa cho ông T biên nhận cầm đồ mới lập ngày 16/10/2022, trong biên nhận ngày 16/10/2022 ghi cầm cố xe YAMAHA 83-P3-98204 với số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn cầm cố chiếc xe trong 02 (Hai) tháng, với lãi suất là 1.250.000 (Một triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng/tháng.

Sau hai tháng cụ thể 16/12/2022 là hết hạn thì ông T không đóng lãi, ông có gọi cho ông T. Nhưng không thấy ông T ra đóng lãi. Đến tháng 01/2023, ông đã bán chiếc xe để thu hồi lại vốn. Ngày 03/02/2023 ông T mới ra gặp ông để đóng lãi và chuộc xe, nhưng do đã quá hạn chuộc xe, nên ông đã bán chiếc xe thu hồi nợ. Hiện nay chiếc xe không còn. Ông đã bán chiếc xe với giá 29.500.000 (Hai mươi chín triệu, năm trăm ngàn) đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, ông không đồng ý. Vì trong Biên nhận cầm đồ đã ghi rõ ràng “ *Đồ cầm trong một tháng, phải đến đóng lãi, nếu quá ba tháng quý khách không đến chuộc và đóng lãi, thì tiệm chúng tôi có quyền bán để thu hồi vốn*”. Do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa ông đồng ý với giá trị chiếc xe theo giá niêm yết đối với loại xe YAMAHA R15V3 có giá là 74.000.000 (bảy mươi bốn triệu) đồng và giá trị còn lại của xe phía ông T đã cầm cố là 50%.

Người làm chứng ông Nguyễn Phước T trình bày: Vào ngày 26/01/2023, ông có mua từ ông Nguyễn Trung D (Dịch vụ cầm đồ D) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA 83-P3-98204 với giá 29.500.000 đồng (hai mươi chín triệu, năm trăm ngàn đồng), hai bên có làm Giấy mua bán, cho tặng xe lập ngày 26/01/2023. Ông đã giao tiền và ông D đã giao xe cho ông.

Sau khi mua xe, thì ông đã bán chiếc xe này cho một người khác vào khoảng đầu tháng 02/2023, do lâu rồi ông không nhớ tên, chỉ nhớ người mua xe ở Đà Nẵng (do ông có đăng bán trên các trang mạng xã hội). Khi mua xe thì ông biết chiếc xe này là do khách cầm cố ở Dịch vụ cầm đồ D, quá hạn chuộc và khách không ra chuộc, do đó ông D đã bán xe này thu hồi vốn. Thời điểm khi ông mua xe này, chiếc xe đã hư hỏng bên ngoài. Ông là người mua bán xe bên cửa hàng xe máy, ông đánh giá giá trị chiếc xe còn lại đúng với giá tiền mà phía ông D bán cho ông. Do công việc làm ăn, nên ông xin được vắng mặt theo các giấy mời của tòa. Ông cam kết những gì đã trình bày là đúng sự thật và không ý kiến đối với việc giải quyết vắng mặt của Tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình

giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đồng Thị Bé P – Chủ hộ kinh doanh D có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T số tiền chênh lệch giá trị xe cầm cố là 8.250.000 (Tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người làm chứng ông Nguyễn Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 229, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[1.2] Xuất phát từ giao dịch hợp đồng cầm cố tài sản ngày 16/10/2022 giữa ông Trần Văn T và Dịch vụ cầm đồ D; Ông T cho rằng quyền lợi ích hợp của ông bị xâm phạm nên khởi kiện Dịch vụ cầm đồ D; Tại Dịch vụ cầm đồ D người trực tiếp thực hiện giao kết hợp đồng với ông T, là ông Nguyễn Trung D. Tuy nhiên, theo giấy đăng ký hộ doanh nghiệp thì chủ doanh nghiệp là bà Đồng Thị Bé P. Theo quy định tại Điều 79, Điều 81 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, thì HĐXX xác định tư cách đương sự: bị đơn là bà Đồng Thị Bé P – Chủ hộ kinh doanh D; ông Nguyễn Trung D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền 21.250.000 đồng (Hai mươi một triệu, hai trăm năm mươi ngàn). Tại phiên tòa, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền 8.250.000 (Tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định:

Thứ nhất: Giữa nguyên đơn và bị đơn hai bên có cầm cố xe YAMAHA 83-P3-98204 với giá 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Có làm biên nhận cầm cố ngày 16/10/2022, thời hạn cầm cố là 02 tháng, lãi suất 1.250.000 (Một triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng/tháng. Đồ cầm trong một tháng, phải đến đóng lãi, nếu quá ba tháng quý khách (nguyên đơn) không đến chuộc và đóng lãi, thì tiệm chúng tôi (bị đơn) có quyền bán để thu hồi vốn.

Thứ hai: Ngày 26/01/2023, bị đơn đã bán xe; ngày 03/02/2023, nguyên đơn biết được xe đã bán và nguyên đơn thừa nhận đã quá hạn như thỏa thuận.

Thứ ba: Tại phiên tòa các bên thống nhất giá trị xe YAMAHA 83-P3-98204 là 50% (giá trị sử dụng còn lại tương ứng thời điểm giá xe hiện tại 74.000.000 (Bảy mươi bốn triệu) đồng), là 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền chênh lệch sau khi trừ đi số tiền cầm cố và tiền lãi 03 tháng cho bị đơn, số tiền còn lại 8.250.000 (tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng, bị đơn không đồng ý. Căn cứ vào khoản 3 Điều 305 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Trường hợp giá trị của tài sản bảo đảm lớn hơn giá trị của nghĩa vụ được bảo đảm thì bên nhận bảo đảm phải thanh toán số tiền chênh lệch đó cho bên bảo đảm; trường hợp giá trị tài sản bảo đảm nhỏ hơn giá trị của nghĩa vụ được bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán trở thành nghĩa vụ không có bảo đảm.*

[4] Như vậy, giá trị tài sản bảo đảm (37.000.000 (ba mươi bảy) triệu đồng) lớn hơn giá trị của nghĩa vụ được bảo đảm (28.750.000 (Hai mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) nên bên nhận bảo đảm (bị đơn) phải thanh toán số tiền chênh lệch đó cho bên bảo đảm (nguyên đơn).

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] *Về án phí:* Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí 412.500 (Bốn trăm mười hai ngàn, năm trăm) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Khoản 3 Điều 305; Điều 309 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 79, Điều 81 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Đồng Thị Bé P đại diện Hộ kinh doanh D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Văn T số tiền 8.250.000 (Tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị đơn bà Đồng Thị Bé P đại diện Hộ kinh doanh D còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đồng Thị Bé P đại diện Hộ kinh doanh D phải chịu 412.500 (Bốn trăm mười hai ngàn năm trăm) đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 531.000 (Năm trăm ba mươi một ngàn) đồng đã nộp theo biên lai số 0006996 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà